

**HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ RỪNG QUỐC GIA–
MÔ TẢ HỆ THỐNG VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN**



VFCS SD 1001:2019

Văn phòng chứng chỉ rừng
Phòng 309, Tòa nhà A9, Số 2, Ngọc Hà
Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 38438792; Fax: +84 38438793
Email: vanphongvfco@gmail.com
Web: www.vfcs.vnforest.gov.vn

Thông tin bản quyền
© VFCS 2019

Tài liệu này thuộc bản quyền của Hệ thống cấp chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS). Có thể truy cập miễn phí tài liệu này tại trang web của Tổng cục Lâm nghiệp hoặc liên hệ trực tiếp Văn phòng Chứng chỉ rừng.

Tất cả các phần trong tài liệu này đều được bảo vệ bản quyền; nghiêm cấm thay đổi; chỉnh sửa; hay tái xuất bản dưới mọi hình thức hay phương tiện nào vì mục đích thương mại mà chưa được sự cho phép từ Văn phòng Chứng chỉ rừng.

| | |
|-------------------|--|
| Tên tài liệu: | Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia - Mô tả hệ thống và mô hình tổ chức thực hiện |
| Mã tài liệu: | VFCS/PEFC GD 1001:2019 |
| Phê duyệt bởi: | Văn phòng chứng chỉ rừng |
| Ngày ban hành: | 6/9/2019 |
| Ngày có hiệu lực: | 6/9/2019 |

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| I. GIỚI THIỆU CHUNG..... | 3 |
| II. CĂN CỨ BAN HÀNH..... | 4 |
| III. MÔ TẢ HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ RỪNG QUỐC GIA..... | 5 |
| 3.1 Sơ đồ Hệ thống..... | 5 |
| 3.2. Mô tả mối quan hệ giữa các tổ chức trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia..... | 7 |
| IV. VẬN HÀNH HỆ THỐNG..... | 7 |
| 4.1. Chủ quản hệ thống..... | 8 |
| 4.2. Tiêu chuẩn quản lý rừng (FM) và Tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành trình sản phẩm (CoC)..... | 8 |
| 4.3 Chứng chỉ rừng..... | 9 |
| 4.4. Công nhận và chỉ định Tổ chức chứng nhận..... | 10 |
| 4.5. Logo và sử dụng Logo..... | 11 |
| 4.6. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại..... | 11 |

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Quản lý rừng bền vững được thực hiện tại Việt Nam từ những năm 1990 và đã được triển khai thực hiện trên cơ sở thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020.

Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng thông qua Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 1/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có phê duyệt việc thành lập và vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động và ra quyết định độc lập giữa các bên tham gia, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc tế.

Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng (bao gồm Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững; Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo nhóm và Tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành trình sản phẩm) do Văn phòng chứng chỉ rừng xây dựng và ban hành, là tài liệu quan trọng để các Tổ chức chứng nhận sử dụng để đánh giá cấp chứng chỉ cho các chủ rừng, doanh nghiệp.

Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Lâm nghiệp và các hướng dẫn của Chương trình Chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC ST 1001: 2010).

II. CĂN CỨ BAN HÀNH

- Căn cứ vào Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 1/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng và phê duyệt việc thành lập và vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc Giao nhiệm vụ quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

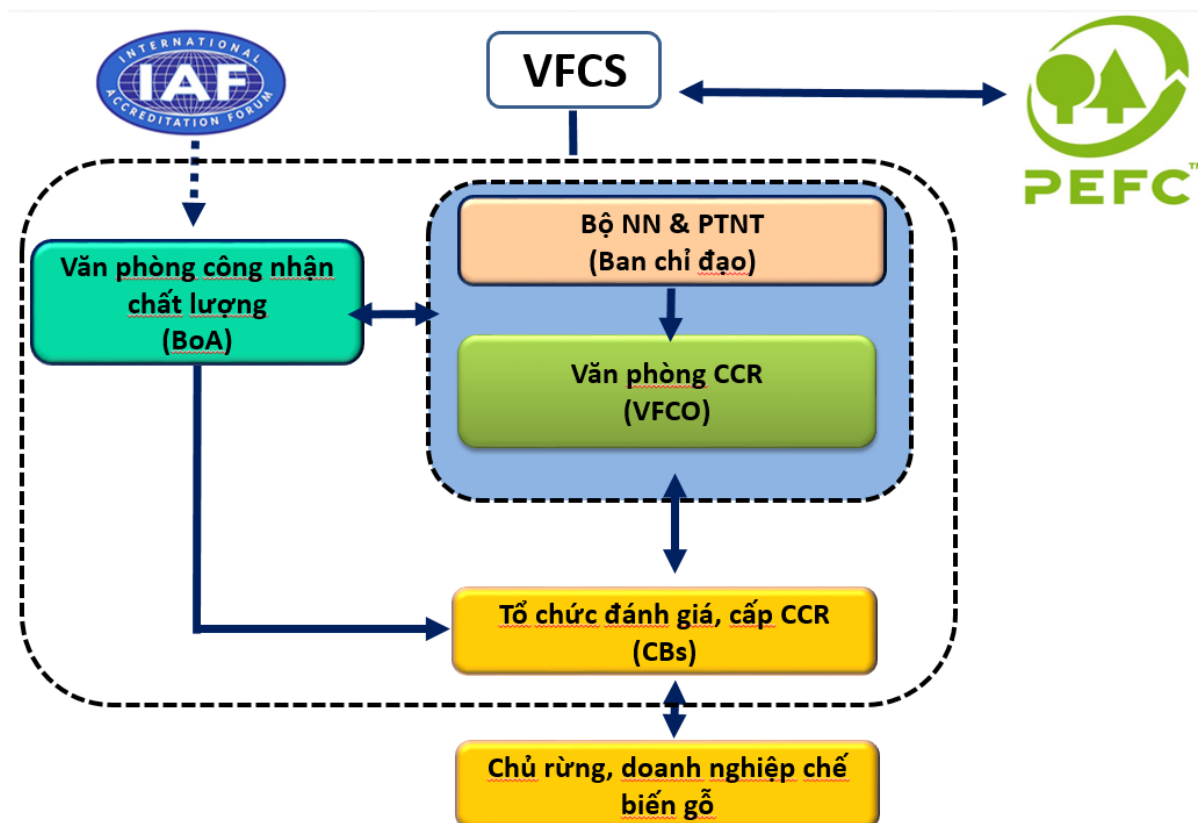
- Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Thành lập Văn phòng Chứng chỉ rừng bền vững;

- Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-TCLN-VP ngày 22/03/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

- Căn cứ vào quy định PEFC ST 1001: 2010 của Chương trình Chứng nhận Chứng chỉ rừng (PEFC).

III. MÔ TẢ HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ RỪNG QUỐC GIA

3.1. Sơ đồ Hệ thống (theo PEFC)



Trong sơ đồ trên, các cơ quan/tổ chức gồm:

3.1.1. Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF- International Accreditation Forum)

IAF có 2 nhiệm vụ chính:

- Đảm bảo cho các tổ chức công nhận là thành viên của diễn đàn hoạt động theo đúng quy định của Diễn đàn.

- Thiết lập Thỏa ước Công nhận lẫn nhau (Multilateral Recognition Arrangements - MLA) giữa các tổ chức công nhận thành viên, giúp cho doanh nghiệp và khách hàng có nhu cầu cần công nhận được cung cấp dịch vụ có chất lượng trên phạm vi thế giới.

3.1.2. Chương trình Chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC- Programme for the Endorsement of Forest Certification)

PEFC là một tổ chức phi chính phủ được thành lập bởi các quốc gia thành viên để thực hiện việc quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng trên

nguyên tắc có sự chứng nhận độc lập của bên thứ ba.

Lĩnh vực cấp chứng chỉ rừng của PEFC bao gồm:

- Chứng nhận quản lý rừng bền vững (PEFC-FM) cho các chủ rừng.
- Chứng nhận quản lý chuỗi hành trình sản phẩm (PEFC-CoC) cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản.

3.1.3 Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS- Vietnam Forest Certification Scheme)

VFCS là một hệ thống bao gồm có các cơ quan, tổ chức và các tài liệu liên quan để đảm bảo cho việc thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đáp ứng được yêu cầu về quản lý rừng bền vững và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia bao gồm 3 cơ quan hoạt động độc lập:

a) Văn phòng Chứng chỉ rừng (VFCO- Vietnam Forest Certification Office)

Là cơ quan chủ quản hệ thống, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của Tổng cục Lâm nghiệp. Văn phòng Chứng chỉ rừng là cơ quan đầu mối hợp tác với các bên liên quan trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia, có nhiệm vụ điều phối các hoạt động về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng bao gồm ban hành các tiêu chuẩn, hướng dẫn của hệ thống.

b) Văn phòng công nhận chất lượng (BoA- Bureau of Accreditation)

Văn phòng Công nhận chất lượng là thành viên của IAF, là đơn vị hợp tác và giúp Văn phòng Chứng chỉ rừng trong việc công nhận và giám sát hoạt động của các Tổ chức chứng nhận theo quy định của hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

c) Tổ chức chứng nhận (CB- Certification Body):

Tổ chức Chứng nhận là tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững và chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm cho các chủ rừng và tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản khi các chủ rừng và tổ chức, cá nhân có phương án quản lý rừng; phương án tổ chức sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quản lý rừng của hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

3.2. Mô tả mối quan hệ giữa các tổ chức trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia

3.2.1. Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) là Cơ quan đảm bảo năng lực đánh giá công nhận của Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA).

3.2.2. Mối quan hệ giữa VFCS với BoA

BoA là tổ chức giúp VFCS trong việc công nhận và giám sát hoạt động của Tổ chức Chứng nhận hoạt động trong hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia. BoA và VFCS sẽ hợp tác thông qua ký kết Biên bản ghi nhớ.

3.2.3. Mối quan hệ giữa VFCS với CB

CB là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng nhận quản lý rừng bền vững cho các chủ rừng và quản lý chuỗi hành trình sản phẩm cho các tổ chức, cá nhân sản xuất chế biến gỗ và lâm sản theo hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Để được hoạt động trong hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia, CB phải được BoA công nhận có đủ năng lực theo yêu cầu của VFCS. Trên cơ sở đó VFCS sẽ chỉ định CB để được tham gia trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Việc chỉ định được thông qua Hợp đồng chỉ định.

3.2.4. Mối quan hệ giữa BoA với CB

BoA là tổ chức công nhận CB. CB sẽ được BoA công nhận nếu đáp ứng được các quy định của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

3.2.5. Mối quan hệ giữa CB với chủ rừng, tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản

CB là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng nhận khi có đề nghị của chủ rừng, tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản.

3.2.6. Mối quan hệ giữa VFCS/VFCS với PEFC

VFCS phải xây dựng bộ tài liệu theo các yêu cầu của PEFC để vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Sau khi VFCS trở thành thành viên và được PEFC công nhận hệ thống thì VFCS được quyền sử dụng Logo của PEFC và vận hành hệ thống cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững và chuỗi hành trình sản phẩm.

IV. VẬN HÀNH HỆ THỐNG

Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia đưa ra các quy định, yêu cầu và các quy trình xử lý công việc giữa các cơ quan, đơn vị trong Hệ thống nhằm phục vụ cho việc vận hành của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Các quy định này xác định rõ vai trò, điều kiện hoạt động của các tổ chức, cơ quan trong hệ thống.

Quy định về vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong hệ thống; Các quy định, quy trình và các tài liệu liên quan của hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

4.1. Chủ quản hệ thống

Văn phòng Chứng chỉ rừng là cơ quan chủ quản hệ thống, Văn phòng Chứng chỉ rừng thuộc Tổng cục Lâm nghiệp, tham mưu Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng và vận hành Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia.

Văn phòng Chứng chỉ rừng hoạt động dưới sự chỉ đạo về chuyên môn của Ban chỉ đạo Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (sau đây viết tắt là ban Chỉ đạo). Ban chỉ đạo gồm các thành viên là đại diện của các cơ quan, đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Văn phòng Chứng chỉ rừng là cơ quan đầu mối, có nhiệm vụ điều phối các hoạt động về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Văn phòng chứng chỉ rừng có các nhiệm vụ chính như sau:

- a) Điều phối các hoạt động của hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia;
- b) Tham mưu trình Tổng cục Lâm nghiệp ban hành các văn bản, tài liệu liên quan về thực thi chứng chỉ rừng của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia;
- c) Chủ trì hợp tác với các cơ quan, đơn vị trong nước và quốc tế về hoạt động của hệ thống chứng chỉ rừng;
- d) Tham mưu cho lãnh đạo Tổng cục, Bộ Nông nghiệp và PTNT xử lý những tranh chấp, khiếu nại trong quá trình vận hành hệ thống chứng chỉ rừng;

4.2. Tiêu chuẩn quản lý rừng (FM) và Tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành trình sản phẩm (CoC)

4.2.1. Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững

Để thực hiện tiến trình quản lý rừng bền vững, ngay từ năm 1999, Việt Nam đã thực hiện việc xây dựng Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững cấp quốc gia phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Đến năm 2013, Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững cấp quốc gia chính thức được thông qua và được cụ thể hóa tại Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn về Phương án quản lý rừng bền vững.

Năm 2018, để thực hiện Luật Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững của quốc gia với 7

nguyên tắc, 34 tiêu chí và 122 chỉ số. Bộ tiêu chí Quản lý rừng bền vững đã được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của quốc tế, được tham vấn rộng rãi của các cơ quan, đơn vị của nhà nước, chính quyền địa phương các cấp, tổ chức xã hội... và được pháp luật hóa tại Thông tư số 28/2018/TT-BNN ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia được sử dụng Tiêu chí quản lý rừng bền vững đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Quá trình xây dựng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững cũng luôn bám sát vào những quy định, hướng dẫn của PEFC, ví dụ như: tiêu chuẩn quản lý rừng luôn được tham vấn, góp ý của các cơ quan, đối tượng liên quan, luôn đảm bảo hài hòa ba mục tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường trong thực thi quản lý rừng bền vững.

Ngoài ra, để tổ chức thực hiện quản lý rừng bền vững theo nhóm giữa các chủ rừng, liên kết giữa chủ rừng và doanh nghiệp chế biến gỗ, Hệ thống chứng chỉ rừng còn ban hành Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo nhóm giúp cho việc thực thi quản lý rừng bền vững. Bộ tiêu chuẩn này ngoài 7 nguyên tắc, 34 tiêu chí và 122 chỉ số, thì còn hướng dẫn việc thiết lập và hình thành các nhóm hộ hoặc nhóm liên kết đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước và hướng dẫn của PEFC.

4.2.2. Tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành trình sản phẩm

Bộ tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành trình sản phẩm của Việt Nam thống nhất sử dụng Bộ tiêu chuẩn CoC của PEFC ST 2002:2013.

4.3. Chứng chỉ rừng

4.3.1. Tổ chức chứng nhận (tổ chức cấp chứng chỉ rừng)

Tổ chức chứng nhận hoạt động trong Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia phải là tổ chức trong nước, quốc tế hoặc liên danh có đủ năng lực và hoạt động độc lập, không phụ thuộc về tài chính, nhân lực với bất kỳ cơ quan quản lý nhà nước hay cơ quan chuyên môn về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

Văn phòng chứng chỉ rừng sẽ ký Hợp đồng chỉ định với Tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ rừng để vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

4.3.2. Chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận

Chuyên gia đánh giá phải là cán bộ làm việc toàn thời gian cho Tổ chức chứng nhận. Tổ chức chứng nhận phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng chuyên gia đánh giá đủ điều kiện.

Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng được các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm do Văn phòng chứng chỉ rừng quy định.

Quy định chi tiết đối với Tổ chức chứng nhận và chuyên gia đánh giá được thể hiện tại tài liệu VFCS GD 1006: 2019.

4.3.3. Đăng ký cấp chứng chỉ

Chủ rừng có nhu cầu đăng ký cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững hoặc chứng chỉ quản lý rừng theo nhóm phải xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và tự nguyện nộp hồ sơ đề nghị đến Tổ chức chứng nhận để được xem xét, cấp chứng chỉ.

Chủ rừng, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký cấp chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm tự nguyện nộp hồ sơ cho Tổ chức chứng nhận để được xem xét, cấp chứng chỉ.

4.3.4. Trình tự cấp chứng chỉ

Quy trình, thủ tục đánh giá, cấp chứng chỉ sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Tổ chức chứng nhận.

4.3.5. Thời hạn có hiệu lực của chứng chỉ

Chứng chỉ quản lý rừng bền vững, chứng chỉ quản lý rừng theo nhóm và chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm có hiệu lực trong vòng 05 năm kể từ ngày cấp. Hàng năm, Tổ chức chứng nhận chịu trách nhiệm đánh giá để duy trì chứng chỉ.

4.4. Công nhận và chỉ định Tổ chức chứng nhận

Việc công nhận Tổ chức chứng nhận do Văn phòng công nhận chất lượng hoặc một Tổ chức công nhận quốc tế là thành viên của Diễn đàn Công nhận quốc tế.

Văn phòng chứng chỉ rừng là cơ quan chỉ định Tổ chức chứng nhận hoạt động trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Văn phòng chứng chỉ rừng sẽ chỉ định các Tổ chức chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Quy trình chỉ định Tổ chức chứng nhận hoạt động trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia được quy định cụ thể tại tài liệu VFCS GD 1007:2019.

4.5. Logo VFCS và sử dụng Logo VFCS

4.5.1. Logo VFCS



4.5.2. Sử dụng Logo VFCS

Chủ rừng, doanh nghiệp, tổ chức công nhận, tổ chức chứng nhận và các đơn vị có liên quan khi có nhu cầu sử dụng Logo VFCS của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia sẽ đăng ký quyền sử dụng Logo theo tài liệu VFCS GD 1009:2019, và tuân thủ theo các nguyên tắc sử dụng Logo được quy định tại tài liệu VFCS ST 1008:2019.

4.6. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại

Chủ rừng, doanh nghiệp, tổ chức chứng nhận và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những hành vi, hoạt động không đúng theo quy định có thể gửi kiến nghị đến Văn phòng Chứng chỉ rừng. Quy trình thủ tục giải quyết tranh chấp khiếu nại thực hiện theo tài liệu VFCS GD 1010: 2019.

Phụ lục I: Các loại phí VFCS nộp cho PEFC

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP
VĂN PHÒNG
CHỨNG CHỈ RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

PHÍ VĂN PHÒNG CHỨNG CHỈ RỪNG NỘP CHO PEFC

| TT | Loại phí | Franc Thụy sĩ (CHF) | VN đồng |
|-----------|-------------------------|--|--------------------|
| 1 | Phí thành viên hàng năm | 27.678 (Đối với quốc gia có mức sử dụng gỗ tròn từ 10 -30 triệu m ³) | 652.785.630 |
| 2 | Phát triển | 0,00473 (Cho 01 ha rừng được cấp chứng chỉ cho 01 năm) | 111,6 |
| | | 136 (Cho 01 chứng chỉ CoC/năm) | 3.207.560 |
| 3 | Phí đánh giá hệ thống | \$30.000 (Cho đánh giá hệ thống VFCS để được PEFC công nhận) | 707.500.000 |